

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TP. HỒ CHÍ MINH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC
Số: 1237/TB-HĐTD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 10 năm 2026

THÔNG BÁO
Về kết quả thi Vòng 2 (môn Nghiệp vụ chuyên ngành),
kỳ tuyển dụng viên chức năm 2026

Căn cứ Luật Viên chức số 129/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 259/2026/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 001/2025/TT-BNV ngày 17 tháng 03 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Nội quy và Quy chế tuyển dụng, nâng ngạch, xét thăng hạng công chức, viên chức;

Căn cứ Biên bản Tổng hợp kết quả chấm thi Vòng 2 ngày 20, 21 và 22 tháng 10 năm 2026 của Ban Kiểm tra, sát hạch;

Hội đồng tuyển dụng viên chức năm 2026 Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh thông báo kết quả thi Vòng 2 môn Nghiệp vụ chuyên ngành và các nội dung liên quan như sau:

1. Hội đồng tuyển dụng viên chức năm 2026 công bố kết quả thi Vòng 2 (môn Nghiệp vụ chuyên ngành) đối với thí sinh đã tham dự thi Vòng 2 tại bảng **Phụ lục** kèm theo Thông báo này.

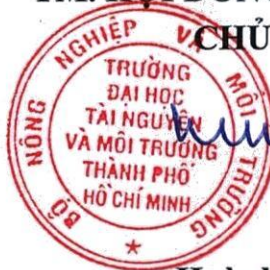
2. Căn cứ Thông tư số 001/2025/TT-BNV ngày 17 tháng 3 năm 2025 của Bộ Nội vụ, không thực hiện phúc khảo đối với phần thi Vòng 2 tổ chức bằng hình thức Phòng vấn hoặc Thực hành kết hợp Phòng vấn trực tiếp. Trường hợp thí sinh phát hiện sai sót về thông tin cá nhân, cộng điểm ưu tiên, thí sinh gửi Đơn đề nghị điều chỉnh thông tin về Hội đồng tuyển dụng (qua Phòng Tổ chức - Hành chính) **trước 17h00 ngày 30 tháng 10 năm 2026** để được điều chỉnh, cập nhật.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Ban Giám sát kỳ tuyển dụng (để giám sát);
- Thành viên HĐTD (để thực hiện);
- Thành viên Ban KTSH (để biết);
- Thí sinh thi Vòng 2 (để biết);
- Trung tâm DLTT&TV (để đăng tin);
- Lưu: VT, TCHC, HĐTD. ✓

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG
CHỦ TỊCH



Huỳnh Quyền

KẾT QUẢ THI VÒNG 2 KỶ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2026

(Kèm theo Thông báo số 1237/TB-HĐTD ngày 10 tháng 10 năm 2026 của Hội đồng tuyển dụng viên chức)

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	VỊ TRÍ DỰ TUYỂN	ĐIỂM THI (1)	ĐIỂM ƯU TIÊN (2)	TỔNG ĐIỂM (3)=(1)+(2)	KẾT QUẢ	GHI CHÚ
1	004	Nguyễn Phương Nam	12/01/1982	Giảng viên (Khoa Công nghệ thông tin)	45	5	50	Không trúng tuyển	Con thương binh
2	005	Lê Minh Quang	07/03/1985	Giảng viên (Khoa Công nghệ thông tin)	22,5		22,5	Không trúng tuyển	
3	010	Dương Thị Vân Anh	24/11/1988	Giảng viên (Khoa Kinh tế)	84,5		84,5	Trúng tuyển	
4	012	Nguyễn Ngọc Dung	02/10/1991	Giảng viên (Khoa Kinh tế)	69		69	Không trúng tuyển	
5	016	Tô Văn Giáp	08/06/1985	Giảng viên (Khoa Kinh tế)	70		70	Không trúng tuyển	
6	017	Đỗ Thúy Hằng	05/06/1999	Giảng viên (Khoa Kinh tế)	69		69	Không trúng tuyển	
7	018	Huỳnh Thị Thu Hiền	31/03/1990	Giảng viên (Khoa Kinh tế)	78		78	Không trúng tuyển	
8	020	Nguyễn Đình Minh Hiếu	28/10/1993	Giảng viên (Khoa Kinh tế)	76,5		76,5	Không trúng tuyển	
9	023	Đinh Thị Hương	18/01/1984	Giảng viên (Khoa Kinh tế)	78,5		78,5	Trúng tuyển	
10	024	Trần Anh Kiệt	26/02/2002	Giảng viên (Khoa Kinh tế)	64,5		64,5	Không trúng tuyển	
11	025	Huỳnh Thị Thu Loan	15/03/1990	Giảng viên (Khoa Kinh tế)	69,5		69,5	Không trúng tuyển	

[Chữ ký]

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	VỊ TRÍ DỰ TUYỂN	ĐIỂM THI (1)	ĐIỂM ƯU TIÊN (2)	TỔNG ĐIỂM (3)=(1)+(2)	KẾT QUẢ	GHI CHÚ
12	026	Đinh Tiến Lợi	30/05/1983	Giảng viên (Khoa Kinh tế)	79,5	5	84,5	Trúng tuyển	Con thương bình
13	027	Phan Thị Kim Mai	17/01/1991	Giảng viên (Khoa Kinh tế)	67,5		67,5	Không trúng tuyển	
14	028	Trịnh Thị Tuyết Mai	25/07/1993	Giảng viên (Khoa Kinh tế)	81		81	Trúng tuyển	
15	029	Trần Hoàng Minh	31/08/1993	Giảng viên (Khoa Kinh tế)	65,5		65,5	Không trúng tuyển	
16	030	Võ Thị Hồng Minh	20/01/1985	Giảng viên (Khoa Kinh tế)	68,5		68,5	Không trúng tuyển	
17	031	Hồ Thảo My	20/08/1987	Giảng viên (Khoa Kinh tế)	76,5		76,5	Không trúng tuyển	
18	032	Trần Minh Ngọc	02/11/1993	Giảng viên (Khoa Kinh tế)	-	-	-	-	Vắng thi
19	033	Nguyễn Thúy Ngọc	22/11/1996	Giảng viên (Khoa Kinh tế)	69,5		69,5	Không trúng tuyển	
20	034	Nguyễn Hồng Phong	16/04/1995	Giảng viên (Khoa Kinh tế)	73		73	Không trúng tuyển	
21	035	Ngô Hoàng Phúc	04/06/2000	Giảng viên (Khoa Kinh tế)	72		72	Không trúng tuyển	
22	036	Lê Hồng Phúc	21/09/1990	Giảng viên (Khoa Kinh tế)	80		80	Trúng tuyển	
23	037	Phạm Thành Phước	02/01/1986	Giảng viên (Khoa Kinh tế)	78,5		78,5	Trúng tuyển	
24	038	Nguyễn Minh Quân	29/02/1992	Giảng viên (Khoa Kinh tế)	65,5		65,5	Không trúng tuyển	

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	VỊ TRÍ DỰ TUYỂN	ĐIỂM THI (1)	ĐIỂM ƯU TIÊN (2)	TỔNG ĐIỂM (3)=(1)+(2)	KẾT QUẢ	GHI CHÚ
25	039	Phạm Thị Linh Thanh	02/05/1991	Giảng viên (Khoa Kinh tế)	62		62	Không trúng tuyển	
26	040	Lê Văn Thành	02/07/1995	Giảng viên (Khoa Kinh tế)	72		72	Không trúng tuyển	
27	043	Hoàng Sĩ Thính	25/02/1982	Giảng viên (Khoa Kinh tế)	87,5		87,5	Trúng tuyển	
28	045	Phan Trọng Thức	03/01/1989	Giảng viên (Khoa Kinh tế)	68,5		68,5	Không trúng tuyển	
29	046	Vũ Thị Thương	16/09/1993	Giảng viên (Khoa Kinh tế)	79,5		79,5	Trúng tuyển	
30	047	Trịnh Thị Ngọc Thúy	26/04/1974	Giảng viên (Khoa Kinh tế)	71		71	Không trúng tuyển	
31	048	Võ Thị Thanh Thúy	23/01/1994	Giảng viên (Khoa Kinh tế)	-	-	-	-	Vắng thi
32	049	Nguyễn Thị Hoài Trinh	26/06/1977	Giảng viên (Khoa Kinh tế)	85		85	Trúng tuyển	
33	052	Nguyễn Thị Hồng Vân	28/03/1992	Giảng viên (Khoa Kinh tế)	67,5		67,5	Không trúng tuyển	
34	053	Hồ Thị Khánh Viên	16/02/1988	Giảng viên (Khoa Kinh tế)	79,5		79,5	Trúng tuyển	
35	054	Nguyễn Tuấn Việt	19/04/1989	Giảng viên (Khoa Kinh tế)	69		69	Không trúng tuyển	
36	055	Huỳnh Thị Kim Xuân	23/10/1995	Giảng viên (Khoa Kinh tế)	73		73	Không trúng tuyển	
37	056	Nguyễn Văn Anh	23/10/1994	Giảng viên (Khoa Quản lý đất đai)	81,7		81,7	Trúng tuyển	

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	VỊ TRÍ DỰ TUYỂN	ĐIỂM THI (1)	ĐIỂM ƯU TIÊN (2)	TỔNG ĐIỂM (3)=(1)+(2)	KẾT QUẢ	GHI CHÚ
38	058	Võ Quốc Khánh	02/05/1971	Giảng viên (Khoa Quản lý đất đai)	94,7		94,7	Trúng tuyển	
39	060	Nguyễn Thị Bích Ngọc	24/01/1980	Giảng viên (Khoa Quản lý đất đai)	89		89	Trúng tuyển	
40	061	Trần Thị Cẩm Nhung	08/08/1993	Giảng viên (Khoa Quản lý đất đai)	-	-	-	-	Vắng thi
41	062	Trần Phước Quý	12/08/1995	Giảng viên (Khoa Quản lý đất đai)	41,7		41,7	Không trúng tuyển	
42	063	Lê Trọng Hữu Thông	25/06/1990	Giảng viên (Khoa Quản lý đất đai)	32		32	Không trúng tuyển	
43	065	Bùi Đoàn Thảo Uyên	12/09/1999	Giảng viên (Khoa Quản lý đất đai)	40,3		40,3	Không trúng tuyển	
44	069	Đinh Thị Thu Hà	09/09/1983	Giảng viên (Khoa Môi trường)	91		91	Trúng tuyển	
45	071	Nguyễn Thanh Ngân	18/04/1987	Giảng viên (Khoa Môi trường)	89,3		89,3	Trúng tuyển	
46	072	Nguyễn Thị Nhân	20/09/1997	Giảng viên (Khoa Môi trường)	74		74	Trúng tuyển	
47	073	Nguyễn Thị Xuân Quỳnh	24/02/1995	Giảng viên (Khoa Môi trường)	87,6		87,6	Trúng tuyển	
48	074	Đỗ Đức Thiện	16/07/1987	Giảng viên (Khoa Môi trường)	85,7		85,7	Trúng tuyển	
49	075	Lê Nguyễn Ngọc Hải	11/03/1984	Giảng viên (Khoa Trắc địa, Bản đồ và Công trình)	77		77	Trúng tuyển	
50	076	Nguyễn Trọng Nhân	18/05/1995	Giảng viên (Khoa Trắc địa, Bản đồ và Công trình)	76,7		76,7	Trúng tuyển	

Tr

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	VỊ TRÍ DỰ TUYỂN	ĐIỂM THI (1)	ĐIỂM ƯU TIÊN (2)	TỔNG ĐIỂM (3)=(1)+(2)	KẾT QUẢ	GHI CHÚ
51	077	Trần Lê Thế Diễn	02/02/1982	Giảng viên (Khoa Địa chất và Khoáng sản)	79,5		79,5	Trúng tuyển	
52	078	Hồ Chí Thông	09/12/1979	Giảng viên (Khoa Địa chất và Khoáng sản)	73,5		73,5	Trúng tuyển	
53	079	Đinh Thị Linh	07/01/1994	Giảng viên (Khoa Khí tượng, Thủy văn và Tài nguyên nước)	54,5		54,5	Trúng tuyển	
54	080	Nguyễn Lương Tuấn Dũng	14/08/1985	Giảng viên (Khoa Khoa học ứng dụng)	82	5	87	Trúng tuyển	Bộ đội phục viên
55	082	Trần Duy Hải	02/05/1987	Giảng viên (Khoa Khoa học ứng dụng)	89		89	Trúng tuyển	
56	083	Nguyễn Thu Khuyến	17/07/1999	Giảng viên (Khoa Khoa học ứng dụng)	80		80	Không trúng tuyển	
57	084	Nguyễn Ngọc Phi	06/02/1996	Giảng viên (Khoa Khoa học ứng dụng)	70,5		70,5	Trúng tuyển nguyện vọng 2	NV2: Khoa Môi trường
58	086	Nguyễn Thị Thúy Huyền	27/09/2002	Tổ chức cán bộ, thi đua khen thưởng	-	-	-	-	Vắng thi
59	088	Dương Nguyễn Hoàng Quân	09/04/1996	Tổ chức cán bộ, thi đua khen thưởng	64		64	Trúng tuyển	
60	089	Phạm Ngọc Quân	29/01/1994	Tổ chức cán bộ, thi đua khen thưởng	59		59	Không trúng tuyển	
61	090	Nguyễn Thụy Minh Thư	12/02/2004	Tổ chức cán bộ, thi đua khen thưởng	57		57	Không trúng tuyển	
62	092	Hà Vũ Ngọc Bích	10/01/2003	Hành chính - Tổng hợp	55,5		55,5	Không trúng tuyển	
63	093	Nguyễn Thị Kim Dung	30/09/1984	Hành chính - Tổng hợp	60		60	Không trúng tuyển	

28

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	VỊ TRÍ DỰ TUYỂN	ĐIỂM THI (1)	ĐIỂM ƯU TIÊN (2)	TỔNG ĐIỂM (3)=(1)+(2)	KẾT QUẢ	GHI CHÚ
64	095	Phan Võ Thu Hiền	04/06/2002	Hành chính - Tổng hợp	56		56	Không trúng tuyển	
65	096	Lương Võ Hoàng Hiệp	24/07/1999	Hành chính - Tổng hợp	74		74	Trúng tuyển	
66	099	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	06/01/1985	Hành chính - Tổng hợp	44		44	Không trúng tuyển	
67	100	Ngô Hoàng Oanh	11/04/2002	Hành chính - Tổng hợp	53,5		53,5	Không trúng tuyển	
68	102	Nguyễn Công Tín	24/08/1992	Hành chính - Tổng hợp	52		52	Không trúng tuyển	
69	104	Huỳnh Ngọc Bích	27/11/1991	Pháp chế	52,5		52,5	Không trúng tuyển	
70	105	Huỳnh Anh Duy	25/12/1984	Pháp chế	45	2,5	47,5	Không trúng tuyển	Hoàn thành nghĩa vụ CAND
71	106	Mai Trần Nhật Duy	23/04/2004	Pháp chế	-	-	-	-	Vắng thi
72	107	Nguyễn Thị Thùy Dương	10/07/2004	Pháp chế	53		53	Không trúng tuyển	
73	109	Lê Thị Hồng Gấm	13/12/2000	Pháp chế	58		58	Không trúng tuyển	
74	110	Nguyễn Hương Giang	07/03/2000	Pháp chế	-	-	-	-	Vắng thi
75	112	Huỳnh Hương	22/01/2002	Pháp chế	56		56	Không trúng tuyển	
76	113	Nguyễn Thị Thu Hương	26/09/1992	Pháp chế	62		62	Không trúng tuyển	

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	VỊ TRÍ DỰ TUYỂN	ĐIỂM THI (1)	ĐIỂM ƯU TIÊN (2)	TỔNG ĐIỂM (3)=(1)+(2)	KẾT QUẢ	GHI CHÚ
77	115	Đỗ Hoàng Kim	17/11/2004	Pháp chế	59		59	Không trúng tuyển	
78	117	Nguyễn Phạm Nhật Minh	16/09/2004	Pháp chế	61,5		61,5	Không trúng tuyển	
79	119	Lê Ngọc Phượng	26/10/2001	Pháp chế	73		73	Trúng tuyển	
80	120	Nguyễn Xuân Thảo	27/02/2000	Pháp chế	57		57	Không trúng tuyển	
81	121	Phạm Thị Ngọc Trâm	07/04/1997	Pháp chế	-	-	-	-	Vắng thi
82	122	Phạm Thị Vương Hải Vân	19/07/1986	Pháp chế	-	-	-	-	Vắng thi
83	124	Trần Quang Anh	02/11/1991	Quản lý đào tạo	36,5		36,5	Không trúng tuyển	
84	126	Đoàn Văn Doanh	01/12/1980	Quản lý đào tạo	41,5		41,5	Không trúng tuyển	
85	127	Nguyễn Đại Dương	25/12/1991	Quản lý đào tạo	89,5		89,5	Trúng tuyển	
86	128	Nguyễn Việt Đức	28/04/1995	Quản lý đào tạo	63		63	Trúng tuyển nguyện vọng 2	NV2: Viện Nghiên cứu phát triển bền vững
87	129	Nguyễn Thị Mai Hằng	07/07/1989	Quản lý đào tạo	74		74	Không trúng tuyển	
88	130	Nguyễn Văn Hi	20/02/2002	Quản lý đào tạo	43,5		43,5	Không trúng tuyển	

Be

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	VỊ TRÍ DỰ TUYỂN	ĐIỂM THI (1)	ĐIỂM ƯU TIÊN (2)	TỔNG ĐIỂM (3)=(1)+(2)	KẾT QUẢ	GHI CHÚ
89	131	Nguyễn Xuân Kim Hoàng	03/09/1981	Quản lý đào tạo	70,5		70,5	Không trúng tuyển	
90	132	Đặng Tuấn Kiệt	29/08/1999	Quản lý đào tạo	66,5		66,5	Không trúng tuyển	
91	133	Hoàng Văn Nam	25/10/1991	Quản lý đào tạo	81		81	Không trúng tuyển	
92	134	Nguyễn Hồng Như	28/08/2003	Quản lý đào tạo	50,5		50,5	Không trúng tuyển	NV2: Viện NC PTBV
93	135	Trương Thị Pha	01/08/1990	Quản lý đào tạo	51		51	Không trúng tuyển	
94	136	Dương Thanh Bảo Quyên	20/03/1989	Quản lý đào tạo	34		34	Không trúng tuyển	
95	137	Lê Thị Quế Thanh	13/09/1994	Quản lý đào tạo	84		84	Trúng tuyển	
96	139	Trần Thanh Thu Trinh	12/09/2001	Quản lý đào tạo	28,5		28,5	Không trúng tuyển	
97	140	Bùi Anh Võ Thụy Dung	25/12/1982	Thống kê	82,7		82,7	Không trúng tuyển	
98	141	Phạm Minh Đức	17/04/1998	Thống kê	41		41	Không trúng tuyển	
99	142	Lưu Thị Phương Loan	10/10/1991	Thống kê	-	-	-	-	Vắng thi
100	143	Trần Thị Thanh Loan	20/06/1979	Thống kê	47,7		47,7	Không trúng tuyển	
101	145	Lê Nguyên Phương Thảo	08/01/1994	Thống kê	70,3		70,3	Không trúng tuyển	

202

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	VỊ TRÍ DỰ TUYỂN	ĐIỂM THI (1)	ĐIỂM ƯU TIÊN (2)	TỔNG ĐIỂM (3)=(1)+(2)	KẾT QUẢ	GHI CHÚ
102	147	Nguyễn Thành Tính	15/02/2002	Thống kê	96		96	Trúng tuyển	
103	149	Trần Thủy Lan Anh	21/07/1984	Kế toán (Phòng Kế hoạch - Tài chính)	86,6		86,6	Trúng tuyển	
104	151	Nguyễn Thị Thùy Châu	05/10/1994	Kế toán (Phòng Kế hoạch - Tài chính)	93,3		93,3	Trúng tuyển	
105	152	Đặng Ngọc Kiều Diễm	03/02/2000	Kế toán (Phòng Kế hoạch - Tài chính)	84		84	Không trúng tuyển	
106	153	Lê Thị Hằng	25/01/1981	Kế toán (Phòng Kế hoạch - Tài chính)	68		68	Không trúng tuyển	
107	155	Văn Mỹ Tiên	06/05/1992	Kế toán (Trung tâm Nghiên cứu đổi mới sáng tạo)	92,6		92,6	Trúng tuyển	
108	156	Cao Thị Lương	13/09/1996	Kế toán (Trung tâm Ngoại ngữ, Tin học, Dịch vụ nông nghiệp và môi trường)	96		96	Trúng tuyển	
109	157	Trần Thị Kim Liên	24/09/1982	Thủ quỹ	90,7		90,7	Trúng tuyển	
110	158	Nguyễn Thị Hiền Minh	31/01/1991	Thủ quỹ	85,3		85,3	Không trúng tuyển	
111	160	Nguyễn Văn Lực	20/04/1979	Quản lý chất lượng giáo dục	81		81	Không trúng tuyển	
112	161	Lê Ngọc Thanh Ngân	31/07/2001	Quản lý chất lượng giáo dục	83,7		83,7	Trúng tuyển	
113	162	Lê Thị Minh Trang	03/07/2000	Quản lý chất lượng giáo dục	88		88	Trúng tuyển	

ĐSC

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	VỊ TRÍ DỰ TUYỂN	ĐIỂM THI (1)	ĐIỂM ƯU TIÊN (2)	TỔNG ĐIỂM (3)=(1)+(2)	KẾT QUẢ	GHI CHÚ
114	163	Phan Đình Đông	02/09/1987	Thiết bị, thí nghiệm	-	-	-	-	Vắng thi
115	164	Nguyễn Tấn Vĩnh Nam	04/11/1976	Thiết bị, thí nghiệm	83		83	Trúng tuyển	
116	165	Hà Vũ Ngọc Châu	17/08/1993	Quản lý khoa học và công nghệ	-	-	-	-	Vắng thi
117	166	Nguyễn Ngọc Mỹ Duyên	22/03/2003	Quản lý khoa học và công nghệ	76		76	Không trúng tuyển	
118	167	Mai Thu Huyền	15/09/2002	Quản lý khoa học và công nghệ	77		77	Không trúng tuyển	
119	168	Nguyễn Tiến Trung	22/04/2001	Quản lý khoa học và công nghệ	83,5		83,5	Trúng tuyển	
120	170	Huỳnh Ngọc Dũng	18/05/1981	Hợp tác, hội nhập quốc tế	-	-	-	-	Vắng thi
121	171	Trần Thị Anh Đào	14/11/1999	Hợp tác, hội nhập quốc tế	76		76	Không trúng tuyển	
122	172	Tạ Hồng Huy	26/12/1993	Hợp tác, hội nhập quốc tế	72		72	Không trúng tuyển	
123	173	Trần Thị Thùy Linh	30/01/1998	Hợp tác, hội nhập quốc tế	78		78	Không trúng tuyển	
124	174	Vũ Đức Mạnh	06/12/1997	Hợp tác, hội nhập quốc tế	82		82	Trúng tuyển	
125	178	Tô Thanh Thanh	30/01/1997	Hợp tác, hội nhập quốc tế	74,5		74,5	Không trúng tuyển	
126	179	Lê Xuân Thảo	21/03/2000	Hợp tác, hội nhập quốc tế	75		75	Không trúng tuyển	

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	VỊ TRÍ DỰ TUYỂN	ĐIỂM THI (1)	ĐIỂM ƯU TIÊN (2)	TỔNG ĐIỂM (3)=(1)+(2)	KẾT QUẢ	GHI CHÚ
127	180	Nguyễn Thị Anh Thư	19/09/2000	Hợp tác, hội nhập quốc tế	76		76	Không trúng tuyển	
128	181	Nguyễn Thị Bạch Tuyết	12/12/1982	Hợp tác, hội nhập quốc tế	-	-	-	-	Vắng thi
129	182	Huỳnh Nguyễn Cát Tường	03/02/2001	Hợp tác, hội nhập quốc tế	76,5		76,5	Không trúng tuyển	
130	185	Nguyễn Trung Hiếu	15/10/2001	Quản lý học sinh, sinh viên	-	-	-	-	Vắng thi
131	186	Trần Thị Mai Hương	19/08/1996	Quản lý học sinh, sinh viên	85		85	Trúng tuyển	
132	187	Trần Trang Yến Linh	18/03/1987	Quản lý học sinh, sinh viên	80		80	Không trúng tuyển	
133	188	Trần Duy Thịnh	15/12/2000	Quản lý học sinh, sinh viên	82		82	Không trúng tuyển	
134	189	Trương Công Trường	29/01/1990	Quản lý học sinh, sinh viên	84		84	Trúng tuyển	
135	190	Bùi Văn Phương Trường	01/04/2004	Quản lý học sinh, sinh viên	65		65	Không trúng tuyển	
136	191	Nguyễn Thị Minh Hiếu	11/08/1987	Truyền thông	95		95	Trúng tuyển	
137	192	Trần Thị Cẩm Huỳnh	05/08/2000	Truyền thông	88	5	93	Không trúng tuyển	Người dân tộc thiểu số
138	193	Trần Thị Cẩm Ly	31/05/2003	Truyền thông	88,5		88,5	Không trúng tuyển	
139	194	Nguyễn Hồng Hà	16/06/2004	Ứng dụng CNTT và chuyển đổi số	-	-	-	-	Vắng thi

28

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	VỊ TRÍ DỰ TUYỂN	ĐIỂM THI (1)	ĐIỂM ƯU TIÊN (2)	TỔNG ĐIỂM (3)=(1)+(2)	KẾT QUẢ	GHI CHÚ
140	195	Trần Trung Nam	18/06/1987	Ứng dụng CNTT và chuyển đổi số	75		75	Trúng tuyển	
141	196	Chế Quỳnh Như	24/03/1990	Ứng dụng CNTT và chuyển đổi số	-	-	-	-	Vắng thi
142	197	Lưu Nguyễn Hoàng Quân	06/07/1990	Ứng dụng CNTT và chuyển đổi số	64,5		64,5	Không trúng tuyển	
143	198	Trần Hà Sơn	24/11/2004	Ứng dụng CNTT và chuyển đổi số	62,5		62,5	Không trúng tuyển	
144	199	Nguyễn Trần Minh Trí	23/05/1994	Ứng dụng CNTT và chuyển đổi số	-	-	-	-	Vắng thi
145	200	La Thành Tuấn	13/11/1988	Ứng dụng CNTT và chuyển đổi số	-	-	-	-	Vắng thi
146	201	Nguyễn Bảo Khanh	03/11/1984	Quản lý đào tạo, bồi dưỡng	81,3	5	86,3	Không trúng tuyển	Con của người HĐKC nhiệm CĐHH
147	202	Đoàn Thị Thanh Nguyệt	08/03/1980	Quản lý đào tạo, bồi dưỡng	87,3		87,3	Trúng tuyển	

MỎI
T.Đ.